TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 341 /2018/HS-ST Ngày 15 / 11 /2018	**NHÂN DANH** **N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông L- ơng Trọng Thinh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
  Ông Đào Đức Phú
- Th- ký phiên toà: Bà Hạp Thị Thu Thủy
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 15/ 11/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 343/2018/TLST-HS, ngày 12/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2018 /QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 ,đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1993. tại thành phố B, tỉnh B.

HKTT; khu T, phường Kn, thành phố B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa 9/12.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1968

Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 03/4/2013 bị TAND thành phố U, tỉnh Q phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Ngày 15/4/2016 bị TAND thành phố B, tỉnh B phạt 14 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" ra trại ngày 11/3/2017.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại :

1- Chị Phùng Thị T, sinh năm 1996

2- Chị Phùng Thị T sinh năm 1993.

Cùng HKTT: X, X, T, T .

Hiện trú tại: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa)

3- Anh Hà Văn T, sinh năm 1993

HKTT; thôn B, xã L, huyện B, tỉnh T.

Hiện trú tại: khu C, phường V, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt tại phiên tòa).

4- Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1987.

HKTT; xóm C, N, N, N.

Hiện trú tại: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt tại phiên tòa).

5- Chị Đặng Mùi C, sinh năm 1995

HKTT; Mặn M, T, N, C.

Hiện trú tại: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn H, sinh năm 1990.

HKTT; S, T, T, H.

Hiện trú tại: số 722, N, phường N thành phố B tỉnh B. (vắng mặt tại phiên tòa).

Anh Tăng Văn H, sinh năm 1992.

HKTT; thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản Cáo trạng số 251/Ctr-VKSNDTPB ngày 12/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 12 giờ ngày 13/5/2018 bị cáo Nguyễn Văn L điều khiển xe ô tô Huyndai Grand 110 màu trắng BKS: 99A- 130.58 (xe bị cáo L thuê của Công ty Thuần Việt đóng góp vào Công ty Hoàng Long để kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái chở Tăng Văn H, sinh năm 1992, HKTT; thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B quanh khu Th, phường K, thành phố B thì bị cáo L phát hiện một dãy trọ của chị H có cổng ra vào không đóng nên bị cáo Luân nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để ăn tiêu cá nhân, bị cáo L bảo H ngồi chờ ở xe con bị cáo L di vào dãy trọ rồi đi qua cổng vào đến phòng trọ số 4 (tính từ cổng ra vào) là phòng trọ của chị T và chị T thì thấy cửa phòng trọ khóa cửa nên bị cáo L dùng chiếc kìm điện từ trong túi đeo bên người (bị cáo L chuẩn bị từ trước) ra và dùng kìm bẻ tai khóa của phòng trọ này. Khi bẻ được khóa bị cáo L đi vào trong phòng trọ và lục tìm tài sản thì thấy trong chiếc túi xách nữ treo trên tường cạnh cửa ra vào số tiền 450.000đ, bị cáo L lấy số tiền này và cất vào chiếc ví da màu đen của bị cáo L để trong túi xách bị cáo L đeo trên người, đúng lúc này thì chị T và chị T đi về phòng trọ, chị T có hỏi bị cáo L "vì sao lại vào phòng trọ" thì bị cáo L trả lời "có người bạn gái ở phòng trọ này". Lúc này chị T và chị T nhìn vào trong phòng trọ thì thấy đồ đạc trong phòng bị lục tung biết là đã bị trộm cắp tài sản nên chị T có nói "Trộm rồi" thì nay lập tức bị cáo L đã dùng tay trái bóp cổ chị T và nói "Im mồm ngay không tao giết chết mẹ mày bây giờ", đe dọa chị T để chị T không giữ bị cáo L lại nữa nhằm bỏ chạy và chiếm đoạt tài sản, sau chị T không dám la hét, chị T cũng sơ bỏ chạy ra ngoài cùng lúc đó bị cáo L bỏ chạy ra chỗ ô tô đang đỗ ở ngoài và điều khiển xe đi quanh khu T, khi lên xe bị cáo L không nói cho H biết về hành vi phạm tội của mình, đến 16 h 30 phút cùng ngày khi bị cáo L đang ngủ trên xe thì Cơ

quan CSĐT Công an thành phố B đến yêu cầu bị cáo L mở cửa nhưng bị cáo L không chấp hành mà rồ ga xe ô tô định bỏ chạy, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B buộc phải đập vỡ kính xe ô tô để khống chế bị cáo Luân đưa về trụ sở để làm việc. Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã thu giữ của bị cáo Luân : 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai 110, BKS: 99A- 130.58; 01 túi giả da màu nâu, nhãn hiệu Lacostl, bên trong có 01 kìm điện từ; 01 tô vít; 01 ví giả da màu nâu bên trong có 930.000đ (trong đó có 450.000đ là số tiền bị cáo L chiếm đoạt của chị T và chị T còn 480.000đ là tiền của bị cáo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung GTS5360; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu TIANWANG.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, ngoài ra bị cáo L còn khai nhận thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21h đến 22h ngày 24/4/2018, bị cáo L đi bộ một mình ở khu C, phường V, thành phố B xem có dãy nhà trọ nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi bị cáo L đi đến một dãy trọ của nhà bà Hoàng Thị T thì thấy cửa cổng mở còn các phòng trọ thì đóng cửa và tắt điện, bị cáo L đi vào dãy nhà trọ này và đi đến phòng trọ số 3 là phòng trọ của anh Hà Văn T thì thấy cửa phòng trọ khóa ngoài nên bị cáo L đã lấy chiếc kìm điện mà bị cáo L chuẩn bị từ trước phá chốt cửa xong bị cáo L đi vào phòng trọ để lục tìm tai sản và lấy được 01 chiếc điện thoại di động Samsung JI màu trắng của anh T, bị cáo L cất vào trong chiếc túi xách mà bị cáo L đang đeo trên người xong bị cáo L đi ra khỏi phòng trọ và khép cửa lại đi ra đường, bị cáo L đi đến một dãy phòng trọ cách đó khoảng 500 mét và ngồi trước dãy phòng trọ này nghịch điện thoại thì bị người dân xung quanh khu vực này phát hiện đuổi đánh bị cáo L ngất đi, bị cáo L đã được Cơ quan Công an đưa vào bệnh viện cấp cứu và tạm giữ bị cáo L: 01 chiếc điện thoại Samsung JI màu trắng; 01 chiếc túi xách màu đen, bên trong có 01 chiếc kìm và 01 chiếc gậy sát, nhưng bị cáo L đã bỏ trốn khỏi bệnh viện.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 09/5/2018 bị cáo L đi bộ một mình lang thang ở khu T phường K thành phố B mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp . Khi đi đến một dãy nhà trọ đây là nhà trọ của ông Nguyễn Văn K có cổng ra vào không, quan sát xung quanh không có ai nên bị cáo L đaz đi vào dãy trọ này và đi đến một phòng trọ cuối cùng của dãy trọ là phòng trọ số 6 (tính từ cổng ra vào) của chị Đoàn Thị N thì thấy cửa phòng trọ khóa bên ngoài nên bị cáo Luân đã lấy chiếc kìm mà bị cáo L chuẩn bị từ trước bẻ tai khóa cửa, sau khi bẻ được khóa cửa bị cáo L đi vào nhà để tìm kiếm tài ssanr thì phát hiện trên mặt bàn trang điểm có 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ màu trắng (loại máy cơ) nhãn hiệu EBOHR của chị N nên bị cáo Luân dùng tay cầm chiếc đồng hồ này cho vào trong chiếc túi xách mà bị cáo L đang đeo, xong bị cáo L mở ngăn kéo nhỏ của bàn trang điểm thỉ phát hiện thấy chiếc đồng hồ đeo tay nam mầu trắng (loại máy cơ) nhãn hiệu TIANWANG của chị N nên đã cầm chiếc đồng hồ này cho vào trong túi xách L đang đeo. Sau bị cáo L tiếp tục mở ngăn kéo to của bàn trang điểm ra thì phát hiện thấy chiếc ví da nữ của chị N nên bị cáo L mở ví da nay raq thì thấy bên trong có số tiền 1.700.000đ, bị cáo L lấy số tiền naqyf bỏ vào trong túi, sau đó bị cáo L lấy chiếc điện thoại di động Oppo F1 màu vàng Gold của chị N đang cắm sạc ở đầu giường và chiếc Laptp ACER màu đen của chị N để trên chiếc tủ nhựa bên cạnh bàn trang điểm đi ra khỏi phòng, bị cáo L mang chiếc Laptop đến cửa hàng

mua bán máy tính ở số 722 Ngô Gia Tự, phường N thành phố B bán cho anh Lê Văn H là chủ cửa hàng với giá 2.200.000đ, còn chiếc điện thoại 0ppo F1 thì bị cáo L bán cho một người đàn ông không quen biết ở thị trấn L huyện T, tỉnh B với giá 1.000.000đ đến nay Cơ quan Công an thành phố B chưa thu hồi được, số tiền 1.700.000đ và số tiền bán Laptop, điện thaoij, bị cáo L đã một mình ăn tiêu hết, đối với chiếc đồng hồ nam nhãn hiệu TIANWANG thì bị cáo L sử dụng đeo ở tay dến khi bị Cơ quan công an bắt giữ cơ quan CSĐT đã thu giữ, đối với chiếc đồng hồ nữ nhãn hiệu EBOHR thì bị cáo L cho H để H sử dụng, còn chiếc kìm mà bị cáo Lsử dụng để bẻ tai khóa ơ trên đến ngày 13/5/2018 khi bị bắt Cơ quan CSĐT đã thu giữ.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 h ngày 13/5/2018 bị cáo L điều khiển xe ô tô Huyndai Grand 110 màu trắng BKS: 99A- 130.58 đi đến rủ H đi ăn sáng, sau khi ăn sáng xong, bị cáo L có rủ H đi xuống phường Khắc Niệm để bán điện thoại thì Hải đồng ý. Bị cáo Luân điều khiển xe ô tô chở Hải đi quanh khu Thượng, phường K, thành phố B thi bị cáo L có phát hiện một dãy trọ đóng (đây là nhf trọ của ông Ngô Quang T) có cổng ra vao không, bị cáo Ldừng xe lại và bảo H ngồi ngoài xe đợi, bị cáo L đeo túi giả da màu nâu, bên trong có 01 chiếc kìm điện từ và 01 tô vít bị cáo L chuẩn bị từ trước một mình đi vào đãy trọ này rồi đi qua cổng vào đến phòng trọ số 4 là phòng trọ của chị Đặng Mùi C thì thấy cử phong trọ khó cửa nên bị cáo L đã lấy chiếc kìm điện từ trong túi đeo bên người ra vào dùng kìm bẻ tai khóa của phòng trọ này, xong bị cáo L đi vào trong phòng trọ lục tìm tài sản thì phát hiện thấy chiếc điện thoại Sam sung GTS 5360 màu đen của chị C để trên giường nên bị cáo L đã cầm chiếc điện thoại này và cho vào trong chiếc túi mà bị cáo L đang đeo rồi đi ra ngoài khép cửa lại. Bị cáo L đi ra chỗ ô tô và điều khiển chở Hải đi về, bị cáo Luân cũng không nói cho H biết về việc bị cáo L vừa trộm cắp được chiếc điện thoại nói trên. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung GTS 5360 sau khi trộm cắp được bị cáo Luân đã phá mật khẩu và sau đó để trên xe ô tô để sử dụng, đến 16 giờ cùng ngày khi bị bắt giữ. Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã thu giữ của bị cáo L chiếc điện thoại Sam sung GTS 5360 và chiếc kìm mà bị cáo Lsử dụng để bẻ khóa cửa phòng trọ của chị C.

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 26/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại cho chị T chị Tsố tiền 450.000đ chị T chị T nhận lại đầy đủ và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Riêng chiếc khóa do bị cáo L sử dụng kìm để cắt, do giá trị chiếc khóa không lớn nên chị H không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì.

Đối với chiếc xe ô nhãn hiệu Huyndai Grand 110 màu trắng BKS: 99A-130.58. Công ty Thuần Việt không biết bị cáo L sử dụng chiếc xe này vào việc vi phạm pháp luật, Vì vậy ngày 25/6/2018 Cơ quan CSĐT công an thành phố B đã trả lại chiếc xe ô tô trên cho Công ty Thuần Việt, sau khi nhận lại xe Công ty Thuần Việt không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì thêm về thiệt hại hay khắc phục gì cho công ty.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 138/KL-HĐ ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Giá trị tài sản chiếc điện thoại di động Samsung JI màu trắng, đã qua sử dụng là 1.000.000đ.

Ngày 26/8/2018 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại cho anh T chiếc điện thoại di động trên, anh T không có yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì thêm cho anh.

Đối với chiếc chốt khóa mà bị cáo L đã phá, do giá trị không lớn nên bà Tông yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì thêm..

Đối với những người dân tham gia đánh gây thương tích cho bị cáo L khi phát hiện bị cáo L có biểu hiện trộm cắp tài sản quá trình xác minh Cơ quan CSĐT Công an thành phố B không xác định được ai là người đanh gây thương tích cho bị cáo Luân bản thân bị cáo L cũng có đơn từ chối giám định thương tích và không có đề nghị gì đối với vụ việc này nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

Ngày 13/5/2018 anh Tăng Văn H được Cơ quan CSĐT Công an thành phố B thông báo 01 chiếc đồng hồ nữ nhãn hiệu EBOHR mà anh đang giữ là vật chứng của vụ án nên anh H đã giao nộp 01 chiếc đồng hồ nữ nhãn hiệu EBOHR và 01 đồng hồ nhãn hiệu Halei (anh H khai là của bị cáo L cho anh H) cho Cơ quan điều tra Công an thành phố B để phục vụ cho công việc điều tra.

Ngày 14/7/2018 anh H được Cơ quan CSĐT Công an thành phố B thông báo chiếc Laptop ACER mà anh mua của bị cáo L là vật chứng của vụ án nên anh H đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B chiếc Laptop trên để phục vụ việc điều tra và anh yêu cầu bị cáo L trả cho anh số tiền 2.200.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 182/KL-HĐ ngày 16/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Giá trị tài sản chiếc điện thoại di đông 0ppo F1 đã qua sử dụng là 2.600.000đ; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ, nhãn hiệu EBOHR, đã qua sử dung là 3.000.000đ; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nam, nhãn hiệu TIANWANG, đã qua sử dụng có giá trị là 4.000.000đ; 01 chiếc laptop nhãn hiệu Acer mầu đen, đã qua sử dụng có giá trị 2.800.000đ. Tổng giá trị tài sản là 12.400.000đ.

Ngày 26/8/2918 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại cho chị Nga 01 chiếc đồng hồ đeo tay nam, nhãn hiệu TIANWANG; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ, nhãn hiệu EBOHR; 01 chiếc Laptop nhãn hiệu Acer. Đến nay chị Nga không yêu cầu bị cáo Luân phải bồi thường gì thêm cho chị.

Đối với chiếc tai khóa có giá trị không lớn nên ông Khả không yêu cầu bị cáo Luân phải bồi thường.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 174/KL-HĐ ngày 16/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Gía trị tài sản chiếc điện thoại di động Samsung GTS 5360 màu đen đã qua sử dụng là 420.000đ.

Ngày 24/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại chị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GTS 5360, đã qua sử dụng đến nay chị Chuổng không có yêu cầu bị cáo Lphải bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc tai khóa mà bị cáo L dùng kìm điện bẻ gáy có giá trị không lớn nên ông T không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường.

Về vật chứng quá trình bắt giữ Cơ quan CSĐT thu giữ của bị cáo L và anh H giao nộp gồm : 01 túi giả da màu nêu bên trong có 01 kìm điện từ; 01 tô vít; 01 túi giả da màu đen bên trong có 01 kìm; 01 gậy sắt là công cụ, phương tiện mà bị cáo Luân sử dụng vào việc phạm tội; 01 ví da màu nâu và 480.000đ là tài sản của bị cáo không liên quan gì đến việc phạm tội; 01 chiếc đồng hồng Halei (qua xác minh là đồng hồ của bị cáo L cho H, không liên quan đến việc phạm tội.

Với hành vi trên Cáo trạng của VKSND thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L với tội danh "Trộm cắp tài sản" theo điểm đ, g khoản 2 điều 173 BLHS có mức hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận: Toàn bộ hành vi phạm của bị cáo như bản Cáo trạng của VKS đã truy tố bị cáo ra trước TAND thành phố B để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm đ, g khoản 2 điều 173 BLHS là đúng người đúng tội không có oan sai gì. Riêng số tiền anh H yêu cầu bị cáo phải trả cho anh H 2.200.000đ bị cáo đồng ý trả cho anh H xong hiện nay bị cáo đang phải đi chấp hành án, khi nào chấp hành xong bị cáo sẽ đi làm để trả cho anh H số tiền trên, còn số tiền 480.000đ và 01 ví da là của bị cáo do bị cáo đi lái xe mà có nay bị cáo xin lại, riêng chiếc đồng hồ Halei bị cáo đã cho anh H, bị cáo không có ý kiến gì mà do anh H có quyền sử dụng. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố B thực hành quyền công tố đã phân tích đánh giá chứng cứ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo giữ nguyên bản Cáo trạng số 251/Ctr-VKSNDTPBN ngày 12/10/2018 đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Luân phạm tội "Trộm cắp tài sản" áp dụng điểm đ, g khoản 2 điều 173 , điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 BLHS. Xử phạt Luân từ 42 đến 48 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự :Căn cứ điều 48 BLHS. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải trả cho anh Lê Văn H số tiền 2.200.000đ.

Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 02 túi giả da mầu nâu (loại túi dây chéo); 01 kìm có tay cầm mầu đỏ; 01 kìm có tay cầm đen vàng; 01 tô vít; 01 gậy sắt.

Trả lại bị cáo Lsố tiền 480.000đ, 01 ví da mầu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại anh Tăng Văn H 01 đồng hồ Halei.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những ng- ời tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người , thu giữ vật chứng, đồ vật, đơn trình báo, lời khai của ng- ời bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩ vụ liên quan, biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/4/2018 đến ngày 13/5/2018 bị cáo Nguyễn Văn Luân đã có 4 lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền là 15.970.000đ để bán lấy tiền ăn tiêu.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của ng- ời khác đ- ợc pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa ph- ơng, bởi lẽ trong thời gian ngắn bị cáo đã 4 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền ăn tiêu, tổng số tiền là 15.970.000đ.

Xét tính chất mức độ thấy: Tính chất mức độ là nghiêm trọng bởi lẽ bị cáo coi th- ờng pháp luật lợi dụng lúc chủ sở hữu tài sản không có nhà bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân.

Xét về nhân thân thấy: Bị cáo L từ năm 2013 đến 2016 đã 2 lần bị đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản và Lưa đảo chiếm đoạt tài sản" . Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội, mà lại lao vào con đường phạm tội, lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, được quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 BLHS,và điểm đ khoản 2 điều 173 BLHS là hành hung để tẩu thoát. Do vậy cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian thì mới có thể cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội.

Xét tình tiết giảm nhẹ thấy: Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng nh- tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, do vậy các bị cáo đ- ợc 01 tình tiết giảm nhẹ đ- ợc quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo L gồm: 01 xe ô tô nhãn hiện Huyndai 110, BKS 99A – 130.58; 01 túi giả da màu nâu, nhãn hiệu Lacostl, bên trong có 01 kìm điện từ, 01 tô vít, 01 ví giả da màu nâu bên trong có 930.000đ (trong đó có 450.000đ là số tiền do bị cáo L chiếm đoạt của chị T, chị T , còn 480.000đ là tiền của bị cáo Luân), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GTS 5360, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu TIANWANG, 01 điện thoại di động Samsung JI màu trắng; 01 chiếc túi xách màu đen bên trong có chiếc kìm và 01 chiếc gậy sắt; 01 chiếc đồng hồ nữ nhãn hiệu EBOHR do anh H giao nộp và 01 đồng hồ nhãn hiệu Halei; 01 chiếc đồng hồ nam nhãn hiệu TIANWANG; 01 chiếc kìm; anh H giao nộp 01 chiếc laptop ACER; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GTS 5360; 01 chiếc kìm. Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả cho chị T, chị T số tiền 450.000đ, chiếc xe ô tô BKS 99A – 130.58 quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định chủ sở hữu là Công ty Thuần Việt, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại cho Công ty Thuần Việt, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả cho anh T, chị C, chị N tài sản do bị cáo L chiếm đoạt ,đến nay chị T, chị T, anh T, chị Cg, chị N và Công ty Thuần Việt đều không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì thêm. Riêng số tiền 2.200.000đ anh Hữu mua laptop của bị cáo L nay anh H yêu cầu bị cáo L phải hoàn trả, xét thấy yêu cầu trên của anh H là có căn cứ phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận.

Về vật chứng : Đối với 01 túi giả da màu nâu bên trong có 01 kìm điện từ, 01 tô vít; 01 túi giả da màu đen bên trong có 01 kìm, 01 gậy sắt là công cụ, phương tiện mà bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy, riêng 01 ví da màu nầu và 480.000đ; là của bị cáo L không liên quan gì đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo L xong cần giữ lại để đảm bảo thi hành án. Riêng chiếc đồng hồ Halei do anh Tăng Văn

H giao nộp cho Cơ quan điều tra , quá trình điều tra xác định chiếc đồng hồ trên là của bị cáo Lcho anh H xong không liên quan gì đến việc phạm tội của bị cáo Luân cần trả lại cho anh Tăng Văn H sở hữu là phù hợp với pháp luật.

Đối với anh Tăng Văn H khi đi cùng bị cáo L thì không có bàn bạc hay thỏa thuận gì về việc trộm cắp tài sản của bị cáo L. Bản thân H cũng không biết việc bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, vị vậy Cơ quan CSĐT Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với Hải là phù hợp.

Đối với anh Lê Văn H là chủ cửa hàng mua bán máy tính quá trình mua chiếc Laptop Acer do bị cáo L bán cho cũng không biết nguồn gốc chiếc Laptop này do bị cáo Luân phạm tội mà có và bị cáo Lcũng không nói cho anh H biết. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với anh H là phù hợp.

Việc truy tố và mức án do Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng nh- nhân thân của bị cáo cần đ- ợc chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn L 48 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt 14/5/2018.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn L 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: 48 Bộ luật hình sự, điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho anh Lê Văn H số tiền 2.200.000đ.

Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy : 02 túi giả da mầu nâu (loại túi dây chéo); 01 kỉm có tay cầm mầu đỏ; 01 kìm có tay cầm đen vàng; 01 tô vít; 01 gậy bằng sắt. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn L 01 ví da mầu đen; 480.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại anh Tăng Văn H 01 đồng hồ Halei. Hiện các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự thành phố B quản lý.

Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Lphải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DS-ST.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ng- ời bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận đ- ợc kết quả tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND TP B;
- Công an tp B;
- Chi cục THADSTP B;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

L- ơng Trọng Thinh

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đỗ Như Vũ	**Nguyễn Việt Trung**